

Họ và tên thí sinh: SBD:

Đối với mỗi câu, thí sinh chọn và tô kín một ô tròn với phương án trả lời đúng.

- | | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 01. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 11. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 21. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 31. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 41. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 02. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 12. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 22. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 32. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 42. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 03. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 13. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 23. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 33. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 43. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 04. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 14. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 24. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 34. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 44. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 05. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 15. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 25. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 35. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 45. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 06. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 16. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 26. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 36. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 46. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 07. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 17. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 27. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 37. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 47. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 08. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 18. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 28. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 38. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 48. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 09. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 19. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 29. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 39. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 49. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |
| 10. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 20. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 30. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 40. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D | 50. ☐ A ☐ B ☐ C ☐ D |

Câu 1. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng $(\alpha): y - 2z = 0$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A. $(\alpha) \supset Ox$. B. $(\alpha) // (yOz)$. C. $(\alpha) // Oy$. D. $(\alpha) // Ox$.

Câu 2. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): (x-1)^2 + (y+2)^2 + (z-4)^2 = 25$. Tính chu vi đường tròn là giao tuyến của mặt phẳng $(P): 2x - y - 2z - 5 = 0$ với mặt cầu (S) .

- A. 10π . B. 8π . C. 16π . D. 4π .

Câu 3. Có bao nhiêu số phức z thỏa mãn $|z| = \sqrt{2}$ và $(z+i)(\bar{z}-1)$ là số thuần ảo?

- A. 4. B. 0. C. 2. D. 1.

Câu 4. Nếu $\int_0^1 f(x)dx = 2021$ thì $\int_0^1 f(1-x)dx$ bằng

- A. 2020. B. -2020. C. 2021. D. -2021.

Câu 5. Nếu $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x) = xe^x$ và $F(1) = 0$ thì $F(0)$ bằng

- A. 0. B. 2. C. -1. D. 1.

Câu 6. Trên mặt phẳng tọa độ Oxy , tập hợp điểm biểu diễn số phức z thỏa mãn $|z-1+2i| = |\bar{z}+i|$ là:

- A. Đường thẳng $\Delta: x + y - 2 = 0$. B. Đường thẳng $\Delta: x + 3y - 2 = 0$.
C. Đường thẳng $\Delta: x - y - 2 = 0$. D. Đường thẳng $\Delta: x - 3y - 2 = 0$.

Câu 7. Trong không gian $Oxyz$, tọa độ điểm H là hình chiếu của $M(3; -3; 4)$ trên đường thẳng

$$\Delta: \frac{x-1}{2} = \frac{y-2}{-2} = \frac{z}{1} \text{ là:}$$

- A. $H(5; -2; 2)$. B. $H(1; 2; 1)$. C. $H(1; -2; 0)$. D. $H(3; 0; 1)$.

Câu 8. Trong không gian $Oxyz$, cho hai đường thẳng $\Delta: \begin{cases} x = -1 + t \\ y = 2 - 4t \\ z = 3t \end{cases}$ và

$$\Delta': \frac{x-3}{1} = \frac{y-2}{2} = \frac{z-1}{1}. \text{ Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?}$$

- A. Δ và Δ' cắt nhau. B. Δ và Δ' trùng nhau.
C. Δ và Δ' chéo nhau. D. Δ và Δ' song song.

Câu 9. Cho a, b là những số thực thỏa mãn phương trình $z^2 + a.z + b = 0$ nhận số phức $z = 1 + 2i$ là một nghiệm. Tính $b - 2a$.

- A. -7. B. -9. C. 7. D. 9.

Câu 10. Nếu $\int_2^3 f(x)dx = 4$ và $\int_3^4 f(x)dx = -5$ thì $\int_2^4 f(x)dx$ bằng

- A. -9 . B. 1 . C. -20 . D. -1 .

Câu 11. Cho số phức $z = 2 - 3i$. Phần ảo của số phức $(2 - i)z$ là:

- A. 8 . B. $-8i$. C. 1 . D. -8 .

Câu 12. Tích phân $\int_2^3 x^3 dx$ bằng

- A. $\frac{5}{4}$. B. $-\frac{5}{4}$. C. $\frac{65}{4}$. D. $-\frac{65}{4}$.

Câu 13. Tích phân $I = \int_0^1 \frac{1}{x^2 - 2x - 3} dx$ bằng

- A. $I = -\frac{\ln 3}{4}$. B. $I = \frac{\ln 3}{4}$. C. $I = -\ln 3$. D. $I = \ln 3$.

Câu 14. Mô đun của số phức $z = 1 - \sqrt{7}i$ là:

- A. $|z| = \sqrt{6}$. B. $|z| = 8$. C. $|z| = 2\sqrt{2}$. D. $|z| = 6$.

Câu 15. Để tìm diện tích của hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = x^2 - 1$, trục hoành và các đường $x = 0, x = 2$ một học sinh thực hiện theo các bước như sau:

$$\text{Bước I. } S = \int_0^2 |x^2 - 1| dx \quad \text{Bước II. } S = \left| \left(\frac{x^3}{3} - x \right) \right|_0^2 \quad \text{Bước III. } S = \left| \frac{8}{3} - 2 \right| = \frac{2}{3}$$

Cách làm trên sai từ bước nào?

- A. Không có bước nào sai. B. Bước III.
C. Bước I. D. Bước II.

Câu 16. Cho hàm số $f(x) = 4x^3 - 3$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A. $\int f(x)dx = x^4 - 3 + C$. B. $\int f(x)dx = x^4 - 3x + C$.
C. $\int f(x)dx = 4x^4 - 3x + C$. D. $\int f(x)dx = \frac{x^4}{4} - 3x + C$.

Câu 17. Cho $F(x)$ là một nguyên hàm của hàm số $f(x)$ liên tục trên đoạn $[a; b]$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A. $\int_a^b f(x)dx = F(a) - F(b)$. B. $\int_a^b f(x)dx = F(b) - F(a)$.
C. $\int_a^b f^2(x)dx = \left(\int_a^b f(x)dx \right)^2$. D. $\int_a^b f(x)dx = \int_b^a f(x)dx$.

Câu 18. Cho hai số phức $z = 2 + i$ và $w = 5 - 2i$. Số phức $z - w$ bằng

- A. $7 - i$. B. $3 - 3i$. C. $-3 + 3i$. D. $-7 + i$.

Câu 19. Trong không gian $Oxyz$, phương trình mặt cầu (S) có bán kính $R = 2\sqrt{3}$ tiếp xúc mặt phẳng

$(\alpha): x - y + z + 1 = 0$ và tâm I thuộc đường thẳng $\Delta: \begin{cases} x = t \\ y = 1 - t \\ z = 2 \end{cases}$ là:

- A. $(x - 2)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 12$ hoặc $(x + 4)^2 + (y - 5)^2 + (z - 2)^2 = 12$.
B. $(x - 3)^2 + (y + 2)^2 + (z - 2)^2 = 12$ hoặc $(x + 4)^2 + (y - 3)^2 + (z - 2)^2 = 12$.
C. $(x - 3)^2 + (y + 2)^2 + (z - 2)^2 = 12$ hoặc $(x - 4)^2 + (y - 1)^2 + (z + 1)^2 = 12$.
D. $(x - 2)^2 + (y + 1)^2 + (z - 2)^2 = 12$ hoặc $x^2 + (y - 1)^2 + (z - 2)^2 = 12$.

Câu 20. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): (x+3)^2 + (y-1)^2 + (z+2)^2 = 9$. Phương trình mặt phẳng (α) tiếp xúc với mặt cầu (S) tại điểm $H(-2; 3; -4)$ là:

- A. $2x - 3y + 4z + 29 = 0$. B. $x + 2y - 2z - 12 = 0$.
C. $x + 2y - 2z + 4 = 0$. D. $x - 2y + 2z + 16 = 0$.

Câu 21. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 + 4x - 2y + 6z - 2 = 0$. Xác định tọa độ tâm I và tính bán kính R của mặt cầu (S) .

- A. $I(-2; 1; -3); R = 4$. B. $I(2; -1; 3); R = 4$.
C. $I(-2; 1; -3); R = 2\sqrt{3}$. D. $I(2; -1; 3); R = 2\sqrt{3}$.

Câu 22. Cho đồ thị hàm số $y = f(x)$ trên đoạn $[-2; 2]$ như hình vẽ

bên. Các phần hình phẳng có diện tích $S_1 = S_2 = \frac{22}{15}$, $S_3 = \frac{76}{15}$. Biết

tích phân $I = \int_{-2}^2 f(x)dx = \frac{a}{b}$, (a, b nguyên dương và a, b nguyên tố

cùng nhau). Tính $a - b$.

- A. 4. B. 7.
C. 13. D. 17.

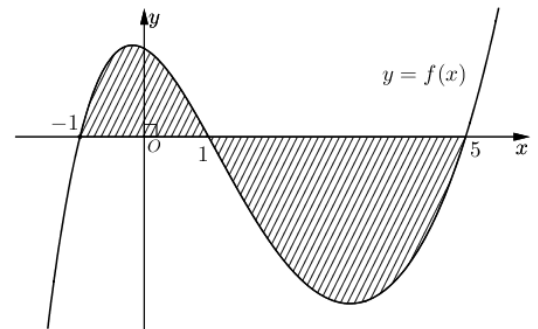
Câu 23. Trong không gian $Oxyz$, cho bốn điểm $M(1; -2; 0), N(-1; 0; 1), P(0; 1; -2); Q(m; n; p)$. Tìm hệ thức giữa m, n, p để bốn điểm M, N, P, Q đồng phẳng.

- A. $7m + 5n + 4p - 3 = 0$. B. $7m + 5n + 4p + 3 = 0$.
C. $7m - 5n - 4p + 3 = 0$. D. $7m - 5n - 4p - 3 = 0$.

Câu 24. Cho hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số $y = f(x)$ và

trục hoành (như hình vẽ bên). Thể tích V của khối tròn xoay khi hình phẳng đó quay quanh trục Ox là:

- A. $V = \pi \int_1^5 f^2(x)dx$. B. $V = \int_{-1}^5 f^2(x)dx$.
C. $V = \int_{-1}^5 f(x)dx$. D. $V = \pi \int_{-1}^5 f^2(x)dx$.



Câu 25. Trong không gian $Oxyz$, điểm nào sau đây **không thuộc** mặt phẳng $(\alpha): 3x - y + z = 0$.

- A. $P(1; 3; -2)$. B. $N(1; 4; 1)$. C. $M(1; 1; -2)$. D. $Q(1; -1; -4)$.

Câu 26. Trong không gian $Oxyz$, thể tích V của khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:

- A. $V = \frac{1}{3} \left| [\overrightarrow{BA}, \overrightarrow{BC}] \cdot \overrightarrow{BB'} \right|$. B. $V = \frac{1}{2} \left| [\overrightarrow{AB}, \overrightarrow{AC}] \cdot \overrightarrow{B'C'} \right|$.
C. $V = \left| [\overrightarrow{BA}, \overrightarrow{BC}] \cdot \overrightarrow{BB'} \right|$. D. $V = \frac{1}{2} \left| [\overrightarrow{BA}, \overrightarrow{BC}] \cdot \overrightarrow{BB'} \right|$.

Câu 27. Trong không gian $Oxyz$, mặt phẳng (β) đi qua $A(-1; 2; -3)$ và song song với mặt phẳng $(\alpha): x + 2y - z = 0$ có phương trình là:

- A. $x - 2y - z + 6 = 0$. B. $x - 2y - z = 0$. C. $x + 2y - z - 6 = 0$. D. $x + 2y - z + 6 = 0$.

Câu 28. Biết $I = \int_0^1 \ln(2x+1)dx = \frac{a}{b} \ln 3 + c$, ($a, b, c \in \mathbb{Z}$) và a, b nguyên tố cùng nhau thì $a + b - c$ bằng

- A. 7. B. 6. C. 4. D. 9.

Câu 29. Trong không gian $Oxyz$, cho ba điểm $A(-3; 4; -2), B(-5; 6; 2), C(-4; 7; -1)$. Tọa độ điểm M thỏa mãn hệ thức $\overrightarrow{MA} = 3\overrightarrow{MC} - \overrightarrow{MB}$ là:

- A. $M(-4; -11; 3)$. B. $M(-4; 11; 3)$. C. $M(4; -11; 3)$. D. $M(-4; 11; -3)$.

Câu 30. Trong không gian $Oxyz$, cho hai đường thẳng $\Delta: \frac{x-1}{2} = \frac{y-3}{-1} = \frac{z}{-1}$ và $\Delta': \frac{x-1}{-3} = \frac{y+1}{4} = \frac{z}{5}$. Tính góc hợp bởi hai đường thẳng Δ và Δ' .

- A. 150° . B. 30° . C. 60° . D. 45° .

Câu 31. Trên mặt phẳng tọa độ Oxy , gọi A, B, C theo thứ tự là điểm biểu diễn số phức $z_1 = -2 + 4i$, $z_2 = -1 + i$ và $z_3 = 2 + 2i$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

- A. Tam giác ABC vuông tại A . B. Tam giác ABC vuông cân tại B .
C. Tam giác ABC đều. D. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

Câu 32. Trong không gian $Oxyz$, cho hai đường thẳng $\Delta: \begin{cases} x = -1 + t \\ y = 2 \\ z = 1 + t \end{cases}$ và

$\Delta': \frac{x-1}{1} = \frac{y+2}{2} = \frac{z+1}{1}$. Viết phương trình đường thẳng d cắt hai đường thẳng Δ, Δ' lần lượt tại A và B sao cho $M(-1; -3; -1)$ là trung điểm AB .

- A. $\frac{x+1}{1} = \frac{y+3}{-5} = \frac{z+1}{-3}$. B. $\frac{x+1}{1} = \frac{y+3}{5} = \frac{z+1}{3}$.
C. $\frac{x+1}{1} = \frac{y+3}{-5} = \frac{z+1}{3}$. D. $\frac{x+1}{1} = \frac{y+3}{5} = \frac{z+1}{-3}$.

Câu 33. Số phức z thỏa mãn: $z - (2 + 3i)\bar{z} = 1 - 9i$ là:

- A. $-\frac{5}{2} + \frac{1}{2}i$. B. $-\frac{5}{2} - \frac{1}{2}i$. C. $2 - i$. D. $2 + i$.

Câu 34. Cho $I = \int_0^1 x^5 \sqrt{1-x^3} dx$. Nếu đặt $t = \sqrt{1-x^3}$ thì

- A. $I = 2 \int_0^1 t^2(t^2 - 1)dt$. B. $I = \frac{2}{3} \int_0^1 t^2(1 - t^2)dt$. C. $I = \frac{2}{3} \int_0^1 t^2(t^2 - 1)dt$. D. $I = \int_0^1 t^2(1 - t^2)dt$.

Câu 35. Nếu $\int_2^5 [3f(x) + 1]dx = 6$ thì $I = \int_2^5 f(x)dx$ bằng

- A. 1. B. -1. C. 3. D. -3.

Câu 36. Số phức liên hợp của số phức $z = 3 - 4i$ là:

- A. $\bar{z} = 4 + 3i$. B. $\bar{z} = -3 + 4i$. C. $\bar{z} = 4 - 3i$. D. $\bar{z} = 3 + 4i$.

Câu 37. Trên mặt phẳng tọa độ Oxy điểm biểu diễn số phức $(3 - 2i)i$ có tọa độ là:

- A. $(2; -3)$. B. $(3; 2)$. C. $(2; 3)$. D. $(3; -2)$.

Câu 38. Phần thực của số phức $(1 + i)^{2021}$ là:

- A. -2^{1010} . B. 2^{2020} . C. -2^{2020} . D. 2^{1010} .

Câu 39. Tính thể tích vật thể V nằm giữa hai mặt phẳng $x = 0$ và $x = \pi$. Biết thiết diện của vật thể bị cắt bởi mặt phẳng vuông góc với trục Ox tại điểm có hoành độ x ($0 \leq x \leq \pi$) là một tam giác đều cạnh là $2\sqrt{\sin x}$.

- A. $V = \frac{\sqrt{3}}{4}$. B. $V = 2\sqrt{3}\pi$. C. $V = 2\sqrt{3}$. D. $V = \frac{\sqrt{3}}{4}\pi$.

Câu 40. Trong không gian $Oxyz$, tìm tọa độ điểm A' đối xứng với $A(2; -1; 5)$ qua mặt phẳng (Oyz) .

- A. $A'(2; 1; -5)$. B. $A'(-2; -1; -5)$. C. $A'(-2; -1; 5)$. D. $A'(0; -1; 5)$.

Câu 41. Cho hàm số $y = f(x)$ có đạo hàm liên tục trên đoạn $[1; 2]$ thỏa mãn $f(1) = 0, f(2) = 2$ và

$$\int_1^2 xf'(x)dx = 3. \text{ Tính } I = \int_1^2 f(x)dx.$$

- A. 1. B. -1. C. 3. D. -2.

Câu 42. Cho hàm số $f(x) = 2^{(3x+1)}$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

A. $\int f(x)dx = 2^{(3x+1)} \cdot \ln 2 + C.$

B. $\int f(x)dx = \frac{2^{(3x+1)}}{3 \ln 2} + C.$

C. $\int f(x)dx = \frac{2^{(3x+1)}}{\ln 2} + C.$

D. $\int f(x)dx = 3 \cdot 2^{(3x+1)} \cdot \ln 2 + C.$

Câu 43. Trong không gian $Oxyz$, một vector chỉ phương của đường thẳng $\Delta: \begin{cases} x = -2 + 3t \\ y = t \\ z = -1 - 2t \end{cases}$ là:

A. $\vec{u}_1 \left(-\frac{3}{2}; -\frac{1}{2}; 1 \right).$

B. $\vec{u}_2 (3; 0; -2).$

C. $\vec{u}_3 (-2; 0; -1).$

D. $\vec{u}_4 \left(-\frac{3}{2}; 0; 1 \right).$

Câu 44. Trong không gian $Oxyz$, cho tứ diện $ABCD$ có điểm $A(1; 0; -2)$, $B(2; 1; -1)$, $C(1; -2; 2)$, $D(4; 5; -7)$. Trên các cạnh AB, AC, AD lần lượt lấy các điểm B', C', D' thỏa mãn $\frac{AB}{AB'} + \frac{AC}{AC'} + \frac{AD}{AD'} = 8$. Khi tứ diện $AB'C'D'$ có thể tích nhỏ nhất mặt phẳng $(B'C'D')$ có phương trình dạng $6x + my + nz + p = 0$, $(m, n, p, \in \mathbb{Z})$. Tính $m^2 - n - p$.

A. 3.

B. -3.

C. 7.

D. -7.

Câu 45. Tính $\int_2^3 \frac{(x+1)^{2020}}{(x-1)^{2022}} dx$.

A. $\frac{3^{2021} - 2^{2021}}{2021}.$

B. $\frac{2^{2021} - 3^{2021}}{2021}.$

C. $\frac{2^{2021} - 3^{2021}}{4042}.$

D. $\frac{3^{2021} - 2^{2021}}{4042}.$

Câu 46. Cho hàm số $f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$. Biết e^{2x} là một nguyên hàm của $f(-2x+1)$. Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

A. $\int f(3x)dx = \frac{1}{3} e^{1-3x} + C.$

B. $\int f(3x)dx = -\frac{2}{3} e^{1-3x} + C.$

C. $\int f(3x)dx = \frac{2}{3} e^{1-3x} + C.$

D. $\int f(3x)dx = -\frac{1}{3} e^{1-3x} + C.$

Câu 47. Cho hàm số $y = x^3 - 3x^2 + 3mx + m - 2$ có đồ thị (C_m) , m là tham số. S là tập hợp các giá trị nguyên của m để đường thẳng $(\Delta): y = 2m - 6$ cắt đồ thị (C_m) tại ba điểm phân biệt và hình phẳng giới hạn bởi hai đường này gồm phần nằm phía trên và phần nằm phía dưới đường thẳng (Δ) bằng nhau. Tìm số phần tử của S .

A. 4.

B. 1.

C. 2.

D. 3.

Câu 48. Cho số phức z_1, z_2 thỏa mãn $|z_1 + 1 - 2i| = |iz_2 + 1 - i| = 1$. Gọi M, m lần lượt là giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của biểu thức $P = |3z_1 + z_2 - i|$. Tính $M.m$.

A. 22.

B. 19.

C. 24.

D. 21.

Câu 49. Cho hàm số $f(x) = \begin{cases} x^3 - 1 & \text{khi } x \leq 0 \\ x^4 - x^2 - 1 & \text{khi } x > 0 \end{cases}$. Tích phân $\int_0^\pi f(3\cos x - 1) \sin x dx$ bằng

A. $-\frac{994}{45}.$

B. $\frac{994}{45}.$

C. $-\frac{994}{15}.$

D. $\frac{994}{15}.$

Câu 50. Cho hàm số $y = f(x)$ thỏa mãn $f(1) = 3$ và $f(x) + xf'(x) = 2x + 1$. Tính $f(2)$.

A. $\frac{7}{2}.$

B. $\frac{3}{2}.$

C. $\frac{5}{2}.$

D. 3.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II KHỐI 12 NĂM HỌC 2020 – 2021

Mã đề [101]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	B	D	C	C	D	A	C	D	D	D	C	A	C	D	B	B	C	A	B	A	D	B	D	A
26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
D	C	B	D	B	B	B	C	B	A	D	C	A	C	C	A	B	A	A	D	B	B	C	A	A

Mã đề [102]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	A	D	C	A	B	D	A	A	A	B	D	B	C	A	D	C	B	C	C	A	D	B	B	D
26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
D	C	C	D	B	C	A	B	A	B	C	B	A	A	D	B	D	C	D	D	B	C	C	A	B

Mã đề [103]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	D	C	D	A	D	B	D	B	B	D	A	D	A	B	D	D	B	D	B	C	C	B	B	C
26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
B	A	D	C	C	B	B	C	D	A	B	C	C	A	C	C	D	A	A	A	A	B	A	A	C

Mã đề [104]

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	B	C	D	C	D	C	A	D	D	C	D	C	D	A	D	B	D	D	B	A	B	B	A	B
26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
C	A	A	D	B	A	A	C	A	B	B	A	B	C	B	B	D	C	A	C	B	C	C	D	A